TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 16-9-2021.
V/v "*Ly hôn giữa ông Q với bà H*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiền

2. Ông Trần Văn Hổ

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trực – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 213/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Q** sinh năm: 1975;

Địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Diệu H**, sinh năm: 1977;

Địa chỉ: ấp M, xã B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Ông Q và bà H có Đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/6/2021, Bản tự khai, Đơn yêu xin giải quyết vắng mặt ngày 03/6/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Q trình bày:

Ông và bà H kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/10/1997 do tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi với nhau. Ông và bà H đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay tình cảm giữa ông và bà H không còn nên ông xin ly hôn với bà H

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 16/7/2000 – đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc ông không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà H nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

Tại Bản tự khai, Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 09/7/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H trình bày:

Về hôn nhân: bà và ông Q kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre vào ngày 01/10/1997. Trong quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên đã ly thân 07 năm nay. Nay bà cũng đồng ý ly hôn với ông Q

Về con chung: quá trình chung sống ông bà có 01 con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 16/7/2000 – đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà. Bà cam kết không khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Q khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H. Quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị Diệu H là tranh chấp về ly hôn. Hiện nay, bà H đang cư trú tại xã BP, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Nguyễn Q và bị đơn bà Nguyễn Thị Diệu H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Q và bà H là phù hợp.

[2] Về nội dung: Ông Q và bà H tự nguyện kết hôn vào năm 1997, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 01/10/1997 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo ông Q, trong quá trình chung sống, vợ chồng ngày càng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên gây cãi với nhau. Ông và bà H đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Tại Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 09/7/2021, bà H cũng đồng ý ly hôn với ông Q. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Q.

[3] Về con chung: trong quá trình chung sống ông Q và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 16/7/2000. Con chung đã trưởng thành, ông Q và bà H không có yêu cầu về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông Q và bà H cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng ông Q phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Q và bà Nguyễn Thị Diệu H.

2. Về con chung: con chung tên Nguyễn Quang T, sinh ngày 16/7/2000 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: ông Q và bà H cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Ông Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0005411 ngày 23 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP BT.
- UBND phường B.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương